

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 11-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chiến

Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo thứ nhất: Phạm Nghị L (tên gọi khác: Nghị), sinh năm 1993 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà Phạm Thị V, sinh năm 1966; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

2/ Bị cáo thứ hai: Đào Văn N (tên gọi khác: Óm), sinh năm 1994 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

*** Người bị hại:** Anh Đặng Thành M, sinh năm 1976 (chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Thái Thị Lê T, sinh năm 1955

2. Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1977

3. Cháu Đặng Nguyên K, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh B

Người được cử đại diện tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu S (theo Văn bản cử người đại diện lập ngày 06/02/2018 tại UBND xã N, thị xã A), có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã Nhơn Phong, thị xã A, tỉnh B, có mặt

2. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B, có mặt

*** Người làm chứng:**

1. Anh Đào Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh B, có mặt

2. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B, có mặt

3. Anh Phạm Thành L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 10/12/2017, sau khi nhậu tại nhà anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 ở thôn C, xã C, huyện P, tỉnh B xong, Đào Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77F1-151.06 có dung tích xi lanh 110 cm³ (xe do N làm chủ sở hữu) chở Phạm Nghị L về nhà ở thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B. Trên đường đi, N và L dừng xe lại đi vệ sinh tại đoạn đường bê tông trước quán cà phê “Nhã Phương” thuộc thôn T, xã N, thị xã A. Sau khi đi vệ sinh xong, L quay lại chỗ xe mô tô trước thì thấy trên xe có gắn chìa khóa, nên L ngồi lên xe bật chìa khóa để điều khiển chờ N đi. Tuy biết L không có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng vì quen biết nên N đồng ý để L điều khiển xe mô tô chở đi. L điều khiển xe đến đoạn đường ĐT 636 thuộc thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B (hướng Đông-Tây) đã cho xe chạy lấn sang phần đường bên trái, cùng lúc này, L phát hiện ở phía trước ngược chiều có xe mô tô biển kiểm soát 77S4-8571 do anh Đặng Thành M điều khiển chở vợ là chị Phạm Thị Thu S chạy đến. Do khoảng cách quá gần, L không xử lý kịp đã để phần đầu xe mô tô do anh M điều khiển. Hậu quả anh M bị thương nặng được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu thì chết do “chấn thương sọ não, vỡ sọ, chảy máu nội sọ chèn ép não”

Vụ tai nạn giao thông có biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và sơ đồ hiện trường kèm theo

Tại bản Cáo trạng số 05/QĐ-VKSAN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Phạm Nghị L về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Đào Văn N về tội “Giao cho người không đủ

điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L từ 12-18 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Đào Văn N từ 10.000.000đ-15.000.000đ

Về bồi thường thiệt hại: các bị cáo, đại diện gia đình bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận giải quyết xong, miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A, tỉnh B đã xử lý xong, miễn xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Nghị L và Đào Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo

Đại diện gia đình người bị hại chỉ Nguyễn Thị Thu S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; về bồi thường thiệt hại đã thỏa thuận giải quyết xong, chỉ giữ nguyên yêu cầu bồi nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 10/12/2017, bị cáo Phạm Nghị L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77F1-151.06 có dung tích xi lanh 110 cm³ (xe do bị cáo Đào Văn N làm chủ sở hữu) chở Đào Văn N trên đoạn đường ĐT 636 thuộc thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B (hướng Đông-Tây) với tốc độ 45 km/h. Bị cáo điều khiển xe chạy sang phần đường bên trái để tránh con chó đang chạy qua

đường, nên đã để đầu xe tông vào xe mô tô 77S4-8571 do anh Đặng Thành M điều khiển chở chị Phạm Thị Thu S chạy ngược chiều, đâm va chạm của hai xe trên phần đường của xe mô tô do anh M điều khiển. Hậu quả làm anh M chết do “chấn thương sọ não, vỡ sọ, chảy máu nội sọ chèn ép não”.

Lời khai nhận hành vi của của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các dấu vết để lại hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do bị cáo L điều khiển xe chạy không đúng phần đường quy định, xử lý lách tránh không hiệu quả.

Bị cáo L chưa được cơ quan có thẩm quyền giấy phép lái xe hợp lệ nhưng bị cáo đã trực tiếp điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 110cm³ tham gia lưu thông, loại xe mà pháp luật bắt buộc phải có giấy phép theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ, nên hành vi của bị cáo đã phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Đào Văn N mặc dù biết bị cáo L chưa có Giấy phép lái xe theo quy định, nhưng đã đồng ý giao xe mô tô có dung tích xi lanh 110cm³ cho bị cáo L điều khiển tham gia giao thông, hậu quả làm chết một người. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 205 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Thời điểm bị cáo thực hiện tội phạm thì Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành, lẽ ra nên áp dụng điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 205 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là 03 năm tù cao hơn mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là cải tạo không giam giữ. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, theo hướng có lợi cho người phạm tội, nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ cướp đi sinh mạng của một người mà còn làm cho tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ càng gia tăng phức tạp. Vì vậy, để nâng cáo ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ cho mọi người và giáo dục cải tạo đối với các bị cáo, cần xử lý các bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, gia đình người bị hại đã có đơn bãi nại quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Đào Văn N còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo, đại diện gia đình người bị hại đã thỏa thuận giải quyết xong, nên miễn xét

Khi thực hiện tội phạm các bị cáo đã trưởng thành, nhưng bà Phạm Thị V (mẹ bị cáo L) và bà Nguyễn Thị Kim L (mẹ bị cáo N) đã tự nguyện bồi thường cho các bị cáo. Tại phiên tòa, bà V và bà L không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền đã thay các bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại, nên miễn xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên bố bị cáo Phạm Nghị L phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo L 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Tuyên bố bị cáo Đào Văn N phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đào Văn N cho UBND xã N, thị xã A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đào Văn N, do bị cáo không có thu nhập ổn định.

* Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo, đại diện gia đình người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận giải quyết xong, nên miễn xét

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Nghị L và Đào Văn N

phải chịu mỗi người 200.000đ

* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, đại diện gia đình người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an thị xã A;;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà